PHIẾU BÀI TẬP TOÁN LỚP 3

Các số có năm chữ số. So sánh các số · sách Kết nối tri thức

Tuần 26

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Nối cách đọc với số

1. Ba mươi chín nghìn	a. 13 000
2. Mười ba nghìn	b. 11 400
3. Mười một nghìn bốn trăm	c. 39 000
4. Mười ba nghìn bốn trăm	d. 13 400

Bài 2: Viết số thành tổng (theo mẫu)

83 186 = 80 000 + ☐ + 100 + 80 + 6

57 142 = 50 000 + 7 000 + 100 + 40 + ☐

44 745 = 40 000 + 4 000 + ☐ + 40 + 5

71 837 = 70 000 + 1 000 + ☐ + 30 + 7

Bài 3: Điền dấu >, <, =

87 978 ☐ 89 778 49 504 ☐ 49 540 54 108 ☐ 51 408 55 161 ☐ 56 161

50 735 ☐ 50 753 92 087 ☐ 92 187 11 721 ☐ 17 121 31 749 ☐ 31 794

Bài 4: Viết số thích hợp vào ô trống

84 120	84 121	☐	84 123	84 124	☐	84 126
18 000	☐	20 000	21 000	☐	23 000	24 000
20 000	30 000	☐	50 000	60 000	☐	80 000	☐

Bài 5: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. Số lớn nhất trong các số 66 512; 86 152; 35 612; 66 521 là:

(A) 66 512 (B) 86 152 (C) 35 612 (D) 66 521

ĐÁP ÁN – TOÁN LỚP 3

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 26

Bài 1: Nối cách đọc với số

1 – c 2 – a 3 – b 4 – d

Bài 2: Viết số thành tổng (theo mẫu)

83 186 = 80 000 + 3 000 + 100 + 80 + 6 57 142 = 50 000 + 7 000 + 100 + 40 + 2

44 745 = 40 000 + 4 000 + 700 + 40 + 5 71 837 = 70 000 + 1 000 + 800 + 30 + 7

Bài 3: Điền dấu >, <, =

87 978 < 89 778 49 504 < 49 540 54 108 > 51 408 55 161 < 56 161 50 735 < 50 753

92 087 < 92 187 11 721 < 17 121 31 749 < 31 794

Bài 4: Viết số thích hợp vào ô trống

84 120 84 121 84 122 84 123 84 124 84 125 84 126

18 000 19 000 20 000 21 000 22 000 23 000 24 000

20 000 30 000 40 000 50 000 60 000 70 000 80 000 90 000

Bài 5: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. B (86 152)

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án